TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2019/DS-PT
Ngày: 20/5/2019
"V/v tranh chấp kiện đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khương

Các Thẩm phán: Ông Bùi Thanh Thảo

Bà Lê Hồng Hạnh

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đặng Thị Ái Vi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Thanh Mến – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13 đến ngày 20 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử công khai phúc thẩm vụ án thụ lý số 10/2019/TLPT-DS ngày 10/01/2019 về việc "Tranh chấp kiện đòi tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2018/DSST ngày 23/11/2018 của Toà án nhân dân huyện H bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 76/2019/QĐPT- DS ngày 08/4/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phan Hoài T, sinh năm 1976 "có mặt"

Trú tại địa chỉ: Số 42, đường T, khu phố P, phường T, Thành phố Đ, tỉnh Bình Phước "có mặt".

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Ông Trần Bùi N, sinh năm 1979 "có mặt".

Trú tại địa chỉ: Số 257/4 đường L, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Trần Thị Kim O, sinh năm 1965 " vắng mặt";

Trú tại địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của bà O: Ông Hồ Ngọc T, sinh năm 1959 "có mặt".

Trú tại địa chỉ: Tổ 4, ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà O: Luật sư Phạm Quang B – thuộc Văn phòng Luật sư Phạm Quang B, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh "có mặt".

Trú tại địa chỉ: Số 820 đường N, Phường 14, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Hồ Ngọc L, sinh năm 1966 "có đơn xin xét xử vắng mặt"
2. Bà Phạm Thị H, sinh năm 1969 "có đơn xin xét xử vắng mặt";

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L, bà H : Ông Nguyễn Hồng H, sinh năm 1961 "có đơn xin xét xử vắng mặt";

Trú tại địa chỉ: Số 29 đường Lý Chính T, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông L, bà H : Luật sư Phạm Quang B – thuộc Văn phòng Luật sư Phạm Quang B, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh "có mặt".

3. Chị Hồ Thị Hải Y, sinh năm 1989 "có đơn xin xét xử vắng mặt";
4. Chị Hồ Thị Thanh H, sinh năm 1997 "có đơn xin xét xử vắng mặt";
5. Chị Hồ Thị Nhã P, sinh năm 1990 "có đơn xin xét xử vắng mặt";

Cùng trú tại: Ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

Người kháng cáo: Bị đơn Bà Trần Thị Kim O, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bà Phạm Thị H, ông Hồ Ngọc L, chị Hồ Thị Hải Y.

Kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phan Hoài T và người đại diện theo ủy quyền của ông T là ông Trần Bùi N trình bày:

Ông T và vợ chồng ông Hồ C, Bà Trần Thị Kim O, vợ chồng ông Hồ Ngọc L, Bà Phạm Thị H có mối quan hệ quen biết nhau qua công việc làm ăn và vay tiền nhiều lần.

Ngày 17/12/2012 ông T có cho vợ chồng ông C, bà O vay số tiền 2.500.000.000 đồng, việc vay có lập Hợp đồng vay tiền ngày 17/12/2012 tại nhà ông T trong đó thỏa thuận thời hạn vay là 01 tháng, lãi suất là 1,5%/tháng, người bảo lãnh đối với khoản vay trên là Bà Phạm Thị H, bà H khẳng định trường hợp ông C, bà O không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông L, bà H sẽ chịu trách nhiệm trả nợ cho ông C, bà O và dùng tài sản của mình để thực hiện trả nợ cho ông T. Sau khi vay tiền, ông Hồ C và Bà Trần Thị Kim O không thực hiện việc trả nợ cho ông T theo đúng hạn hợp đồng. Ông T đã gia hạn nhiều lần, đến ngày 09/7/2014 ông C chết, ông T có liên hệ với bà O để yêu cầu trả nợ nhưng bà O vẫn không thực hiện, ông T cũng đã yêu cầu ông L và bà H cùng cam kết trả nợ nhưng các bên vẫn không thực hiện. Do đó, ông T đã khởi kiện tranh chấp Hợp đồng vay tài sản yêu cầu bà O phải trả cả gốc và lãi nhưng do hết thời hiệu khởi kiện nên Tòa án đã không giải quyết.

Nay ông T khởi kiện yêu cầu bà O là vợ ông C phải hoàn trả cho ông T số tiền nợ gốc là 1.250.000.000 đồng. Số tiền nợ gốc còn lại 1.250.000.000 đồng bà O và các đồng thừa kế của ông C phải hoàn trả khi thừa kế tài sản của ông Hồ C để lại. Trong trường hợp tài sản của ông Hồ C để lại không còn để trả nợ thì người bảo lãnh là Bà Phạm Thị H phải trả cho ông T số tiền 2.500.000.000 đồng.

Đối với phần tiền lãi do hết thời hiệu khởi kiện nên ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án bị đơn Bà Trần Thị Kim O và người đại diện theo ủy quyền của bà O là ông Hồ Ngọc T trình bày:

Bà O thừa nhận bà có cùng chồng là ông Hồ C ký hợp đồng vay của ông T số tiền 2.500.000.000 đồng theo đúng như lời trình bày của ông T, nhưng ngày 27/12/2013 phía ông Hồ C, Bà Trần Thị Kim O đã trả cho ông T bằng hình thức chuyển khoản tổng số tiền 1.800.000.000 đồng thông qua Ngân hàng Sacombank - Chi nhánh thị xã B, tỉnh Bình Phước. Đối với số tiền 700.000.000 đồng còn lại thì ông C có cấn trừ cho ông T chiếc xe ô tô TOYOTA ARTIS biển số 93N – 1079. Do đó, việc ông T khởi kiện yêu cầu bà O và những người thừa kế của ông C trả số tiền 2.500.000.000 đồng thì bà O không đồng ý.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hồ Ngọc L, Bà Phạm Thị H trình bày:

Ông L, bà H là anh chị của ông C, bà O. Bà H thừa nhận bà có ký vào Hợp đồng vay tiền ngày 17/12/2012 giữa ông T và ông Hồ C, Bà Trần Thị Kim O với tư cách người bảo lãnh nhưng bà H chỉ bảo lãnh đối với khoản vay 2.500.000.000 đồng trong thời hạn vay 01 tháng. Hơn nữa, vụ án trên đã được giải quyết bằng quyết định có hiệu lực, thời hiệu khởi kiện đã hết nên bà H không đồng ý việc ông T khởi kiện yêu cầu bà H trả số tiền gốc 2.500.000.000 đồng. Đối với ông L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì ông L không đồng ý vì ông L hoàn toàn không ký tên bảo lãnh trong hợp đồng vay tiền.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Hồ Thị Hải Y, chị Hồ Thị Nhã P, chị Hồ Thị Thanh H trình bày:

Chị Y, chị P, chị H thống nhất lời trình bày của bà O về việc ông C, bà O có vay tiền của ông T, đối với số tiền 2.500.000.000 đồng ông C, bà O đã trả hết cho ông T nên chị Y, chị P, chị H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T. Do các chị ở xa nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2018/DSST ngày 23/11/2018 của Toà án nhân dân huyện H đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Hoài T.

Buộc Bà Trần Thị Kim O phải có nghĩa vụ trả cho ông Phan Hoài T số tiền 1.250.000.000đ (Một tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng).

Buộc Bà Trần Thị Kim O, chị Hồ Thị Hải Y, chị Hồ Thị Nhã P, chị Hồ Thị Thanh H là các đồng thừa kế phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả số tiền 1.250.000.000đ (Một tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng) cho ông Phan Hoài T trong phạm vi di sản thừa kế do ông Hồ C để lại.

Trong trường hợp Bà Trần Thị Kim O và các đồng thừa kế của ông Hồ C không có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả tổng số tiền 2.500.000.000 đồng (hai tỷ năm trăm triệu đồng) cho ông Phan Hoài T hoặc Bà Trần Thị Kim O, ông Hồ C không còn tài sản, tài sản không đủ để trả nợ thì buộc Bà Phạm Thị H phải trả cho ông Phan Hoài T số tiền 2.500.000.000đ (hai tỷ năm trăm triệu đồng).

Về án phí: Bà Trần Thị Kim O phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm 49.500.000 đồng (Bốn mươi chín triệu năm trăm ngàn đồng). Các đồng thừa kế Bà Trần Thị Kim O, chị Hồ Thị Hải Y, chị Hồ Thị Nhã P, chị Hồ Thị Thanh H phải chịu 49.500.000 đồng (Bốn mươi chín triệu năm trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự

sơ thẩm trong phạm vi di sản thừa kế do ông Hồ C để lại. Ông Phan Hoài T không phải chịu án phí, Chi cục Thi hành án dân sự huyện H hoàn trả lại cho ông Phan Hoài T số tiền 28.700.000đ (Hai mươi tám triệu bảy trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0012116 ngày 15/5/2017.

Ngoài ra bản án còn quyết định nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 04/12/2018 bị đơn Bà Trần Thị Kim O có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án vì việc ông T khởi kiện bà O như trên đã được giải quyết bằng quyết định có hiệu lực pháp luật, vợ chồng bà O và ông C đã trả hết số tiền 2,5 tỷ cho ông T.

Ngày 04/12/2018 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bà Phạm Thị H, ông Hồ Ngọc L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về phần buộc bà H có nghĩa vụ trả số tiền 2.500.000.000 đồng cho ông T vì bà H không còn liên quan do đã hết thời hiệu khởi kiện; bà O, ông C đã trả hết nợ cho ông T.

Ngày 06/12/2018 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Hồ Thị Hải Y kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án vì chị Y không nhận được bất cứ tài sản nào của ông C để lại.

Ngày 05/12/2018 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H kháng nghị một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Hoài T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn Bà Trần Thị Kim O, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bà Phạm Thị H, ông Hồ Ngọc L, chị Hồ Thị Hải Y vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước vẫn giữ nguyên Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H.

Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà O và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà H và ông L đề nghị: Đối với yêu cầu khởi kiện của ông T buộc bà H là người bảo lãnh số tiền 2.500.000.000 đồng do ông C, bà O vay của ông T là đã hết thời hiệu khởi kiện, đã được giải quyết bằng các Quyết định có hiệu lực pháp luật. Trường hợp nếu thời hiệu vẫn còn, do số tiền

2.500.000.000 đồng ông C, bà O đã trả hết cho ông T nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà O, bà H , ông L, chị Y, sửa án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

Nguyên đơn không khởi kiện yêu cầu ông L và Bản án sơ thẩm cũng không tuyên buộc ông L phải trả nợ cho ông T, nên ông L không có quyền kháng nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm về phần kháng cáo của ông L; Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà H phải có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc vì bà H là người bảo lãnh theo Hợp đồng vay tiền ngày 17/12/2012 là đã hết thời hiệu khởi kiện nên bà H không còn nghĩa vụ bảo lãnh số tiền 2,5 tỷ đồng ông C vay của ông T nữa; tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn ông T thừa nhận có nhận được 1.800.000.000 đồng do ông C trả vào ngày 27/12/2012, mặc dù ông T cho rằng số tiền trên ông C trả cho khoản vay 1.700.000.000 đồng ngày 02/10/2012 và 100.000.000 đồng ngày 22/9/2012 nhưng lời trình bày ông T không có cơ sở vì bị đơn đã chứng minh được việc bị đơn đã trả khoản tiền 1.700.000.000 đồng thông qua Biên nhận ngày 24/10/2012. Tại phiên tòa ông T cho rằng Biên nhận ngày 24/10/2012 trả cho khoản vay khác nhưng ông T không chứng minh được là trả cho khoản vay nào. Đối với số tiền 700.000.000 đồng còn lại được cấn trừ bằng chiếc xe ô tô hiệu TOYOTA, biển số 93N – 1079 ông T cho rằng chiếc xe trên cấn trừ cho khoản vay ngày 15/9/2012 nhưng ông T không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh nên phải chịu bất lợi. Do đó, việc ông T khởi kiện yêu cầu trả số tiền 2.500.000.000 đồng nợ gốc là không có căn cứ. Do đó, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của ông T về việc buộc bà H bảo lãnh trả số tiền 2,5 tỷ đồng; đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông L; sửa án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà O; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà H, ông L, chị Y và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H thấy rằng:

Về tố tụng:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông T xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc người bảo lãnh bà H phải có trách nhiệm trả số tiền 2.500.000.000 đồng. Việc ông T rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, nhưng do bà H và người đại diện theo ủy quyền của bà H không có mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu khởi kiện ông T đã rút, nhưng đây được xem như là một chứng cứ để không xem xét trách nhiệm của bà H đối với số nợ gốc mà ông C, bà O vay của ông T.

[2]. Đối với yêu cầu kháng cáo của ông L: Do nguyên đơn ông T chỉ khởi kiện yêu cầu bà H phải có trách nhiệm bảo lãnh số tiền nợ ông C, bà O đã vay mà không yêu cầu ông L có trách nhiệm trả nợ, bản án sơ thẩm cũng chỉ tuyên buộc bà H trả số tiền 2,5 tỷ nên ông L không có quyền kháng cáo về nội dung trên, căn cứ điểm a, khoản 4 Điều 274 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông L.

[3]. Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 16/02/2016 ông Phan Hoài T khởi kiện bà O yêu cầu trả cả gốc và lãi nhưng do hết thời hiệu nên ngày 26/9/2019 Tòa án nhân dân huyện H đã có Quyết định đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của ông T về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản". Ngày 09/5/2017 ông T khởi kiện lại yêu cầu bà O và những người thừa kế của ông C trả lại số tiền nợ gốc 2.500.000.000 đồng (không yêu cầu tính lãi), đây là tranh chấp "Đòi lại tài sản". Căn cứ khoản 2 Điều 26, Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 155 Bộ luật dân sự năm 2015 yêu cầu khởi kiện của ông T thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu.

Về nội dung:

[4]. Tại phiên tòa phúc thẩm và quá trình giải quyết vụ án các đương sự thừa nhận ngày 17/12/2012 vợ chồng ông Hồ C, Bà Trần Thị Kim O có vay của ông Phan Hoài T số tiền 2.500.000.000 đồng, thời hạn vay là 30 ngày kể từ ngày 17/12/2012, việc vay có lập thành văn bản là "Hợp đồng mượn tiền mặt ngày 17/12/2012" (bút lục 64, 65). Trong Hợp đồng vay tiền có chữ ký ông C, bà O là người vay tiền, bà H là người bảo lãnh. Sau khi ký kết hợp đồng bà O, ông C đã nhận đủ số tiền 2.500.000.000 đồng. Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án công nhận đây là sự thật, không phải chứng minh.

[5]. Bên nguyên đơn ông T cho rằng sau khi vay tiền thì ông C, bà O chưa trả cho ông T số tiền 2.500.000.000 đồng đã vay như thỏa thuận. Tuy nhiên, bị đơn bà O lại cho rằng đối với số tiền vay 2.500.000.000 đồng vợ chồng bà O đã cho trả hết

cho ông T, cụ thể: Ngày 27/12/2012 trả 1.800.000.000 đồng thông qua hình thức chuyển khoản tại Ngân hàng Sacombank – chi nhánh thị xã B, tỉnh Bình Phước chứng cứ do bà O cung cấp là Bảng kê thu tiền ngày 27/12/2012; Số tiền còn lại 700.000.000 đồng bà O và ông C đã thỏa thuận cấn trừ vào chiếc xe ô tô TOYOTA ALTIS biển số 93N – 1079. Qua xem các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử thấy rằng:

[6]. Đối với số tiền 1.800.000.000 đồng trả ngày 27/12/2012, theo Biên bản xác minh ngày 04/6/2018 (bút lục 205) tại Ngân hàng Sacombank – chi nhánh thị xã B, tỉnh Bình Phước thể hiện ngày 27/12/2012 ông C có chuyển khoản cho ông T số tiền 1.800.000.000 đồng, nội dung giao dịch là "*Hồ Chiến trả nợ cho ông Phan Hoài T*". Tại phiên tòa phúc thẩm và biên bản đối chất ngày 21/3/2019, biên bản lấy lời khai ngày 28/02/2019 ông T thừa nhận ngày 27/12/2012 ông T có nhận được số tiền 1.800.000.000 đồng do ông C chuyển trả nợ, nhưng trả cho khoản vay 1.700.000.000 đồng ngày 02/10/2012 (theo Hợp đồng vay tiền ngày 02/10/2012 - bút lục 62, 63) và trả 100.000.000 đồng vay ngày 22/9/2012 (theo Hợp đồng mượn tiền mặt ngày 22/9/2012 - bút lục 64, 65). Tuy nhiên, lời trình bày của ông T không được bị đơn bà O thừa nhận, bà O cho rằng đối với khoản vay 1.7000.000.000 đồng ngày 02/10/2012 vợ chồng bà O, ông C đã trả cho ông T, chứng cứ bà O cung cấp là Biên nhận trả tiền ngày 24/10/2012 (bút lục 351), hơn nữa hợp đồng vay tiền này vợ chồng bà O có thế chấp cho ông T diện tích đất 78.924m^2 tọa lạc tại ấp Thanh Hòa, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước, chứng cứ bà O cung cấp là Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 02/10/2012, sau khi vợ chồng ông C trả tiền hết tiền thì ông T mới giao trả lại Giấy CNQSDĐ cho vợ chồng bà O; còn khoản vay 200.000.000 đồng ngày 22/9/2012 thì vợ chồng bà O đã trả hết cho ông T. Xét thấy, lời trình bày của bà O như trên là có cơ sở bởi lẽ: Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/3/2019 ông T thừa nhận chữ viết, chữ ký trong Biên nhận trả tiền ngày 24/10/2012 là của ông T, ông T cho rằng số tiền 1.700.000.000 đồng vợ chồng bà O trả cho khoản vay 2,2 tỷ khác; hợp đồng thế chấp quyền sử dụng diện tích đất 78.924m^2 cũng là thế chấp cho khoản vay 1,7 tỷ khác nhưng ông T không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh. Do đó, có cơ sở xác định số tiền 1.800.000.000 đồng ông C chuyển trả cho ông T vào ngày 27/12/2012 qua Ngân hàng Sacombank – Chi nhánh thị xã B, tỉnh Bình Phước là trả cho khoản vay 2.500.000.000 đồng ngày 17/12/2012.

[7]. Đối với số tiền còn lại 700.000.000 đồng (2.5000.000đ – 1.800.000.000đ) bà O cho rằng bà O và ông T đã thỏa thuận cấn trừ vào chiếc xe ô tô TOYOTA Altis biển số 93N – 1079, tuy nhiên lời trình bày bà O là không có cơ

sở vì bà O không đưa ra được tài liệu chứng cứ chứng minh về nội dung thỏa thuận như trên. Trong khi đó, tài liệu có trong hồ sơ thể hiện chiếc xe ô tô TOYOTA Altis biển số 93N – 1079 là tài sản đã được ông C, bà O thế chấp cho ông T để vay 400.000.000 đồng vào ngày 15/9/2012, hiện nay các bên không tranh chấp về hợp đồng vay trên nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét, nếu các bên tranh chấp về khoản vay 400.000.000đ và tài sản thế chấp này sẽ được giải quyết trong vụ án khác. Như vậy, có cơ sở xác định đối với số tiền 2,5 tỷ đồng tiền gốc vợ chồng ông C, bà O vay của ông T vào ngày 17/12/2012 ông C, bà O đã trả cho ông T được 1,8 tỷ đồng tiền gốc, còn lại 700.000.000 đồng tiền gốc ông C, bà O chưa trả. Ngày 09/7/2014 ông C chết nên việc thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại theo Điều 637 của Bộ luật dân sự năm 2005 quy định như sau: *"Những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, trừ trường hợp có thoả thuận khác"* nên cần buộc các đồng thừa kế của ông C là bà O (vợ của ông C), chị Y, chị H, chị P (là các con của ông C) có trách nhiệm trả nợ thay cho ông C ½ số tiền nợ còn lại là 350.000.000 đồng trong phạm vi di sản do ông C để lại; bà O có trách nhiệm trả cho ông T ½ số tiền nợ còn lại là 350.000.000 đồng;

[8]. Từ những nhận định trên thấy rằng, tại phiên tòa sơ thẩm bà O cung cấp chứng cứ chứng minh là đã trả cho ông T 1,8 tỷ đồng qua Ngân hàng Sacombank - Chi nhánh thị xã B, tỉnh Bình Phước nhưng không được Hội đồng xét xử xem xét là không đảm bảo tính khách quan, nên cần chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà O, bà H , chị Y và một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H, sửa án sơ thẩm.

[6] Do sửa án sơ thẩm nên án phí được tính lại như sau:

Án phí sơ thẩm:

- Nguyên đơn ông T phải chịu án phí đối với một phần yêu cầu không được chấp nhận là: 36.000.000 đồng + 3% x [(2.500.000.000 đồng – 700.000.000 đồng) – 800.000.000 đồng] = 66.000.000 đồng.

- Bị đơn Bà Trần Thị Kim O phải chịu án phí đối với một phần yêu cầu của ông T được chấp nhận là: 350.000.000 đồng x 5% = 17.500.000 đồng.

- Bị đơn bà O và những người có quyền và nghĩa vụ liên quan chị Y, chị P, chị H phải liên đới chịu án phí đối với một phần yêu cầu của ông T được chấp nhận trong phạm vi di sản do ông C để lại là: 350.000.000 đồng x 5% = 17.500.000 đồng. Trường hợp ông C không còn di sản hoặc di sản để lại không đủ thực hiện các nghĩa vụ khác thì bà O, chị Y, chị P, chị H không phải chịu.

Án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên bị đơn bà O, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà H , chị Y không phải chịu.

Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà O và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông L, bà H cho rằng bà O, ông C đã trả hết số tiền nợ gốc 2,5 tỷ và vụ án đã hết thời hiệu khởi kiện là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông L, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn là có căn cứ nên được chấp nhận. Đối với quan điểm cho rằng bà O, ông C đã trả hết số tiền nợ gốc 2,5 tỷ là không có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 217, 289 khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hồ Ngọc L.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn Bà Trần Thị Kim O.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bà Phạm Thị H, chị Hồ Thị Hải Y.

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 41/2018/DSST ngày 23/11/2018 của Toà án nhân dân huyện H.

Căn cứ Điều 361, 362, 471, 474, 478, 637 Bộ luật dân sự năm 2005

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Hoài T.

Buộc bị đơn Bà Trần Thị Kim O phải trả cho ông Phan Hoài T số tiền nợ gốc là 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng).

Buộc những người thừa kế của ông Hồ C là Bà Trần Thị Kim O, chị Hồ Thị Hải Y, chị Hồ Thị Nhã P và chị Hồ Thị Thanh H có trách nhiệm trả cho ông Phan Hoài T số tiền còn nợ gốc là 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng) trong phạm vi di sản do ông Hồ C để lại (trường hợp ông Hồ C không còn di sản hoặc di

sản để lại không đủ để thực hiện các nghĩa vụ khác thì bà O, chị Y, chị P và chị H không phải thực hiện nghĩa vụ này).

Án phí sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Phan Hoài T phải chịu án phí đối với một phần yêu cầu không được chấp nhận là 66.000.000 đồng (Sáu mươi sáu triệu đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 28.700.000 đồng ông T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012116 ngày 15/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H. Ông Phan Hoài T phải nộp tiếp số tiền 37.300.000 đồng (Ba mươi bảy triệu ba trăm nghìn đồng).

Bị đơn Bà Trần Thị Kim O phải chịu án phí đối với một phần yêu cầu của ông T được chấp nhận là 17.500.000 đồng (Mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Bị đơn Bà Trần Thị Kim O, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Hồ Thị Hải Y, chị Hồ Thị Nhã P, chị Hồ Thị Thanh H phải liên đới chịu án phí đối với một phần yêu cầu của ông T được chấp nhận trong phạm vi di sản do ông C để lại là 17.500.000 đồng (Mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng) (trường hợp ông Hồ C không còn di sản hoặc di sản để lại không đủ để thực hiện các nghĩa vụ khác thì bà O, chị Y, chị P và chị H không phải thực hiện nghĩa vụ án phí này).

Án phí phúc thẩm: Bị đơn Bà Trần Thị Kim O, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bà Phạm Thị H, bà H ồ Thị Hải Y không phải chịu. Chi cục thi hành án dân sự huyện H hoàn trả cho Bà Trần Thị Kim O số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0005024 ngày 04/12/2018; hoàn trả cho Bà Phạm Thị H, ông Hồ Ngọc L số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0005025 ngày 04/12/2018; hoàn trả cho chị Hồ Thị Hải Y số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0005046 ngày 06/12/2018.

Kể từ ngày án có hiệu lực, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến thi hành xong tất cả các khoản tiền. Hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Văn Khương